

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 21-01-2025

V/v Tranh chấp dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thành Trung;
- Ông Nguyễn Trần Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1972.

Bà Võ Thị N, sinh năm 1978.

Cùng HKTT: ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng chỗ ở hiện nay: khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lưu Thị C trình bày: Vào ngày 10/11/2021 bà có làm chủ hụi và bà Võ Thị N có chơi một chân hụi loại hụi 10.000.000đồng một tháng khui một lần quá trình chơi hụi thì Võ Thị N đã hốt lần thứ 1, được số tiền là 207.220.000đồng do chồng Võ Thị N là Lê Văn B nhận tiền đủ phần hốt hụi được. Quá trình chầu hụi chết do Võ Thị N chầu không đủ và yêu cầu bà chầu hụi thay, tràn cho đến khi mãn hụi và hai bên xác nhận nợ Võ Thị N, ông B còn thiếu bà số

tiền hụi là 140.000.000đồng nhưng bên ông B có nói đã đóng tháng 11/2021 đóng 5.000.000đồng và tháng 11/2023 đóng 5.000.000đồng là 10.000.000đồng, thấy vậy bà cũng đồng ý nên hai bên chốt nợ lại là 130.000.000đồng nên ông B và bà N đã ký chốt nợ lại với bà bằng biên nhận nợ. Nhưng ông B và bà N không trả cho bà số tiền trên mặc dù bà có đòi nhiều lần. Do ông B và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bà nên bà yêu cầu ông Lê Văn B và bà Võ Thị N có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền nợ hụi là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, chứ không thống nhất nhận 110.000.000đồng, cũng không thống nhất nhận 5.000.000đồng hàng tháng theo ý kiến của ông B, bà N.

Tại phiên tòa, bà C xác định việc bà làm chủ hụi không có đăng ký, thông báo với Chính quyền địa phương. Ông B, bà N tham gia chơi hụi của bà từ năm 2020, lúc đầu thì châu hụi đầy đủ nhưng đến hai dây hụi trong vụ án này là từ năm 2022, 2023 thì hốt lần đầu mà không châu hụi chết cho bà. Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của ông B và bà N đang gặp khó khăn nên bà tự nguyện giảm tiền cho ông B và bà N 20.000.000đồng. Bà chỉ yêu cầu ông Lê Văn B và bà Võ Thị N liên đới trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Lê Văn B và bà Võ Thị N vắng mặt nhưng thống nhất trình bày:* Ông, bà chỉ thống nhất trình bày trong biên bản hòa giải chứ không thống nhất viết bản tự khai theo mẫu mà Tòa án đã đưa cho ông, bà. Ông, bà có chơi hai đầu hụi vào ngày 10/11/2021 âm lịch với 24 hụi viên, hụi 10.000.000đồng và hụi ngày 20/02/2023 âm lịch với 24 hụi viên, hụi 10.000.000đồng. Ông bà thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ và tên trong tờ giấy tập học sinh kẻ ngang có ghi hụi 10 triệu di sáu Chánh làm chủ hụi tổng cộng số tiền 130.000.000đồng là của chữ ký và chữ viết của ông, bà là ông Lê Văn B và bà Võ Thị N. Nhưng sau khi đối chiếu lại thì phần hụi ông, bà không châu cho bà C còn lại chỉ có 110.000.000đồng nên ông, bà thừa nhận cho tới ngày 26/11/2024 ông, bà còn nợ lại số tiền hụi của bà C tổng cộng là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Nay ông, bà có thiếu tiền hụi của bà C số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông, bà sẽ trả dần cho bà C hàng tháng là 5.000.000đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 91 và 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 166, 288, và Điều 471 Bộ Luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Chánh . Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lưu Thị Chánh . Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N liên đới trả cho bà Lưu Thị C số tiền hụi còn thiếu là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về hội nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Văn B và bà Võ Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lưu Thị C yêu cầu ông Lê Văn B và bà Võ Thị N trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), không tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Việc bà Lưu Thị C tổ chức các dây hội do bà C làm chủ là chưa đảm bảo về mặt hình thức, nội dung và thông báo theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13, và điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biêu, phường như: Không thỏa thuận bằng văn bản, không được công chứng, chứng thực, danh sách các dây hội không có những nội dung chủ yếu như sau: Họ, tên, số CMND (Căn cước), ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của chủ hội, của các thành viên, thể thức góp hội, lãnh hội, mức hoa hồng của chủ hội, lãi suất trong hội, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, không có sổ hội ghi rõ các nội dung ngày góp hội, số tiền đã góp của từng thành viên, ngày lãnh hội, số tiền lãnh hội của thành viên lãnh hội, chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp hội và lãnh hội... và không có thông báo về việc tổ chức dây hội khi tổ chức từ hai dây hội trở lên phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân C1 (phường) nơi cư trú.

+ Nhưng bà C có cung cấp cho Tòa án các danh sách hội của từng dây hội theo bà C yêu cầu, có hai quyển tập học sinh do bà C ghi và theo dõi từng dây hội, trong đó có ghi từng lần, từng thành viên hót hội và số tiền châu hội cụ thể bao nhiêu; Đồng thời có biên nhận nhận nợ do ông Lê Văn B và bà Võ Thị N ký tên là còn nợ lại tiền hội của bà Lưu Thị C số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

+ Ông Lê Văn B và bà Võ Thị N cũng xác nhận có tham gia chơi hội do bà C làm chủ, qua đối chiếu từng lần châu hội chét và từng lần không châu hội chét thì tổng số tiền ông Lê Văn B và bà Võ Thị N còn thiếu lại bà Lưu Thị C là 130.000.000đồng. Nhưng ông Lê Văn B và bà Võ Thị N chỉ thừa nhận còn nợ lại bà Lưu Thị C số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

+ Theo Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án thì ông Lê Văn B và bà Võ Thị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N chỉ còn nợ lại bà Lưu Thị C số tiền 110.000.000đồng.

+ Do đó, xác định việc ông B, bà N có tham gia chơi hội với bà C và còn nợ bà C số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) là có thật.

+ Việc tham gia chơi hụi của bà C thì cả ông B và bà N đều biết vì cùng có ký tên trong biên nhận còn nợ lại tiền của bà C. Do đó, cần buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi còn thiếu cho bà Lưu Thị C là phù hợp theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Nhưng tại phiên tòa bà Lưu Thị Chánh X thấy hoàn cảnh kinh tế của ông B và bà N đang gặp khó khăn nên bà C tự nguyện giảm tiền cho ông B và bà N 20.000.000đồng. Bà C chỉ yêu cầu ông Lê Văn B và bà Võ Thị N liên đới trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Nên Hội đồng xét xử xét thấy ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn bà Lưu Thị C là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Chánh . Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lưu Thị Chánh . Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N liên đới trả cho bà Lưu Thị C số tiền nợ hụi còn thiếu là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), không tính lãi.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị C được chấp nhận nên ông Lê Văn B và bà Võ Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lưu Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 166, Điều 288 và Điều 471 Bộ Luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Chánh .

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lưu Thị Chánh . Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N liên đới trả cho bà Lưu Thị C số tiền nợ hụi còn thiếu là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), không tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N liên đới chịu 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lưu Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo